



QUESTIONNAIRE FOR EX -POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

September 15, 1989

I. BASIC INFORMATION OF APPLICANT IN VIETNAM.

1. Full name of ex-political prisoner : VU VIET SU
2. Other name : No
3. Date and place of birth : November 14, 1951 Saigon
4. Position, Rank (before 4/1975), Military Serial number : Sergeant,
Agent of the Central Intelligence Organization of Vietnam,
~~grade 13, 71/139736.~~
5. Month, date, year arrested : June 15, 1975
6. Month, date, year out camp : January 25, 1976
7. Present mailing address of ex-political prisoner : CHAU HUNG MINH
SANTA ANA, CA 92706 USA
7. Present residing address : 116/33/43 To hien Thanh, Q.10 HOCHIMINH City

II. LIST FULL NAME - DATE OF BIRTH - PLACE OF BIRTH OF EX-POLITICAL PRISONER
IMMEDIATE FAMILY AND FATHER, MOTHER.

- A. Relatives to accompany with ex-political prisoner to be considered
for US country :

Nr.	NAME IN FULL	DOB	POB	SEX	Relation - Ship	ADDRESS
1	NGUYEN KIM HUE	Dec 26 1953	Ben Tre	F	Wife	116/33/43 To hien Thanh, Hochiminh City
2	VU THUY THUY VAN	Sep 30 1972	Saigon	F	Daughter	as above
3	VU THUY CAM VAN	Feb 4 1974	Saigon	F	-	as above
4	VU THUY NGOC BICH	Aug 14 1980	Saigon	F	-	as above
5	VU DAI DUONG	Apr 20 1989	Saigon	M	Son	as above

- B. Complete family listing (living/dead) of ex-political prisoner :
- | NAME | ADDRESS |
|------|---------|
|------|---------|

- | | |
|--------------------------------|---|
| 1. Father : VU VIET LUYEN | Madagui Village, Da-Houai, LAM DONG VN |
| 2. Mother : NGUYEN THI THOA | as above |
| 3. Spouse : NGUYEN KIM HUE | 116/33/43 To hien Thanh Q 10 Hochiminh City |
| 4. Former spouse : NO | |
| 5. Children : VU THUY THUY VAN | as above |
| VU THUY CAM VAN | as above |
| VU THUY NGOC BICH | as above |
| VU DAI DUONG | as above |
| 6. Siblings : VU VIET AN | Phu Nhuan, Hochiminh City |
| VU NGOC HAI | Lam Dong, Vietnam |
| VU KIM ANH | as above |
| VU VIET SON | as above |
| VU VIET THONG | as above |
| VU THI HA | AS above |
| VU THI HONG | as above |

III. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM.

A. Closest relative in the US :

of me

of my spouse

CHAU HUNG MINH,

No

Santa Ana, CA 92706 USA

B. Relative in other countries :

of me

of my spouse

No

No.

IV. OVERSEA TRAINING PAID BY US GOVERNMENT: No

V. US AWARDS AND DECORATIONS : No

VI. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION UNTIL NOW : No

VII. COMMENT - REMARKS.

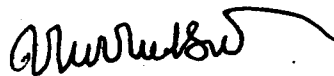
Due to the present hardship of my living because the political discrimination I still endure as an intelligence agent of the former regime, I respectfully request that my family, and myself be approved for a political refugee status, and be resettled in the United States under the auspices of US government.

I'm looking forward to your response, and any humanitarian assistance you can render to me will be greatly appreciated.

VIII. DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE :

- One photocopy of the Attestation Certificate.
- One photocopy of the marriage certificate
- One photocopy of the military Identity Card.
- Six photocopies of the birth certificates.
- Six photographs.

Yours Respectfully,



VU VIET SU

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN - CƯỚC

Số: 411163

QUÂN NHÂN



Họ Tên

VŨ VIỆT SỰ

Cấp bậc

Trung-sĩ

Số quân

71/139.756

Ngày, nơi sinh

14-11-1951

Saigon

Cha

VŨ VIỆT LUYỆN

Mẹ

NGUYỄN THỊ THOÀ

QĐ. 849 A

AM 046313 Dấu vết riêng.
Chân sẹo tròn cách Cao : 1th, 58
2 trên khoe miệng trái Loại máu : A

Số thẻ căn cước dân sự : 00036057
Ngày, nơi cấp 13-11-68 Saigon

Số C-125, ngày 25.5.74
Thiếu tá. NGUYỄN LONG CÂN
Trưởng Ban Căn Cứ (PTOT/TTM)



BỘ NỘI VỤ

-1-

Số : 53/C.27

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHẤY CHỨNG NHẬN

CỤC HỒ SƠ NGHIỆP VỤ LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN (C.27) - BỘ NỘI VỤ

Kẻ nhận Anh (Chị) : *Vũ - Việt - Sư*.....

Sinh năm :*1951*.....*tại: Sài Gòn*.....

Trú quán : *521/126 Lê Văn Việt, Quận 12, TP. HCM*.....

Căn tội : *Quang. xã. Nhàn. viên. ban. N. Sĩ. tự. thuật. ngục. Phú. đài. tự. T.W. T.B.*

Ngày bắt :*1975*.....

Án phạt :*Đáp. trung. cải. tạo*.....

Thi hành quyết định số :*100* ngày *10* tháng *01* năm *1976*.

~~của Bộ Nội vụ.~~ của Ủy ban Quản quán.

Trại cải tạo : *Quản. huấn. 15. N. Long. thôn. h. cấp " GIẤY RA TRẠI "*

số : *1*...../GRT, ngày *20* tháng *01* năm *1976*.

Địa chỉ thả về : *521/126 Lê Văn Việt, Quận 12, TP. HCM*.....

Thời gian quản chế : *12* tháng (*Kể từ ngày 25/01/1976*) :.....

1) Ngày *20* tháng *01* năm *1976*

T/L. CỤC TRƯỞNG C.27

CHỨNG NHẬN HỒ SƠ
CỤC HỒ SƠ NGHIỆP VỤ LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ngày 15/9/89



Nguyễn - Thị - Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT 13/P3

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Xã, Thị trấn: _____

Thị xã, Quận: 10Thành phố, Tỉnh: Hồ Chí Minh

BẢN SAO

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Số 168/THQuyển số 02

	VỢ	CHỒNG
HỌ VÀ TÊN Bí danh	NGUYỄN KIM HUE	VU VIẾT SỰ
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	1953	1951
Quê quán		
Nơi đăng ký thường trú	116/33/43 TÔ HIỀN THÀNH	- Phường 15 - Quận 10
Nghề nghiệp	Nội trợ	Buôn bán
Dân tộc Quốc tịch	KINH Việt - Nam	
Số CMND hoặc hộ chiếu	020893015	020893037

Đã ký, ngày 11 tháng 9 năm 1989TM/UBND Quận 10 Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Phó Chủ tịch

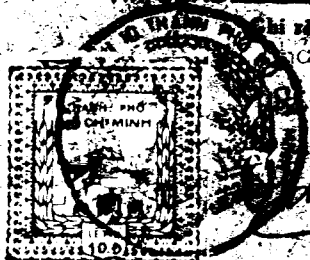
Đã ký: Phan Minh Cổ

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 12 tháng 9 năm 1989TM/UBND Quận 10 Ký tên đóng dấu(Ghi rõ họ tên, chức vụ)
Phạm Văn Phòng

Phạm Văn Phòng

LÀM VĂN BẢ



VIỆT NAM CỘNG HÒA

ĐO. THÀNH SAIGON

Quận: NHI

PHƯỜNG HUYEN SI

Số hiệu: 1214B

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

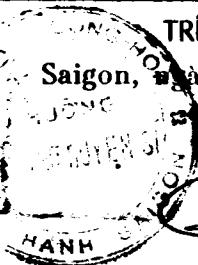
Lập ngày 12 tháng 2 năm 19 74 TH/IOb

Tên họ đứa trẻ. . . .	VU THUY CAM VAN
Con trai hay con gái. .	Nữ
Ngày sanh	Bon thang hai nam mot ngan chin tram bay muoi bon - 15gio40
Nơi sanh.	Saigon, 284 Cong Quynh
Tên họ người cha. . .	VU VIET SU
Tên họ người mẹ. . .	NGUYEN KIM HUE
Vợ chánh hay không có hôn-thú	Vo chanh
Tên họ người đứng khai.	PHAM THI BUOI

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

Saigon, ngày 13 tháng 2 năm 19 74

Viên Chức Hộ-Tịch,



[Signature]

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

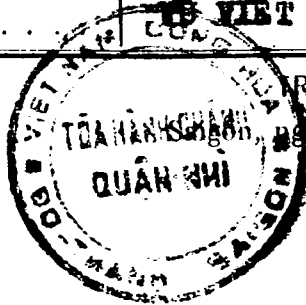
Quận: 2
PHƯỜNG XI

Lập ngày 5 tháng 10 năm 19 72 KBC/68

Số hiệu: II 504A

Tên họ đứa trẻ. . . .	VŨ THUY THÚC VÂN
Con trai hay con gái. .	Nữ
Ngày sanh.	Ba mươi, tháng chín, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai, 06/10
Nơi sanh.	Saigon, 84 Song Quỳnh
Tên họ người cha. . .	VŨ VIỆT SỰ
Tên họ người mẹ. . .	NGUYỄN KIM HUE
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	VŨ VIỆT SỰ

MIỄN LỆ-THI
SỞ QUÂN-ĐỘI



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 24 tháng 2 năm 19 75

Viên-Chức Hộ-Tịch,

NGUYỄN-TRUNG-HÀC

Bản số 10.784

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi mốt (1951).

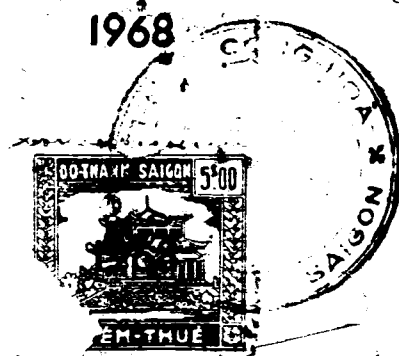
Tên, họ đứa nhỏ.	Vũ viết Sự
Phái	Nam
Ngày sanh.	ngày mười bốn tháng mười mốt, năm một ngàn chín trăm năm mươi mốt, hai 6g.
Nơi sanh.	Saigon, 369 đường Verdun nơi đại
Tên, họ người Cha	Vũ viết Luyện chịu nhận đưa nhỏ là con
Nghề nghiệp.	buôn bán
Nơi cư ngụ	Saigon, 475/193 đường Verdun nơi đại
Tên, họ người mẹ.	Nguyễn thị Thoa
Nghề nghiệp.	noi tro
Nơi cư-ngụ.	Saigon, 475/193 đường Verdun nơi đại
Vợ chánh hay thứ	—

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH:

Saigon, ngày 18 tháng 3 năm 1968.

T.U.N. ĐỒ-TRƯỞNG SAIGON
TRƯỞNG PHÒNG HỘ-TỊCH

lưu



KHÚC-THI NH

KHAI SINH

TÊN HỌ AU-NHI

Nguyễn Kim Huệ

Phái

nu

Sinh

26-12-1963

(Ngày, tháng, năm)

Tại

Lân phi Trung
Nguyễn Văn Chánh

Cha

(Tên, họ)

Tuổi

36

Nghề-nghiep

Đi lính

Cư-trú tại

Lân phi Trung
Lê Thị Hương

Mẹ

(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiep

mời Iraq

Cư-trú tại

Lân phi Trung
Chánh

Vợ chánh hay vợ thứ

Người khai

(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiep

Đi lính

Cư-trú tại

Lân phi Trung

Ngày khai

Lê Văn Chính

Người chứng thứ nhất

(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiep

Lâm Bằng

Cư-trú tại

Lân phi Trung

Người chứng thứ nhì

(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiep

58

Cư-trú tại

Lâm Bằng
Lân phi Trung

năm 19

Giam tại Xã

Khái,

Nguyễn Văn Chánh

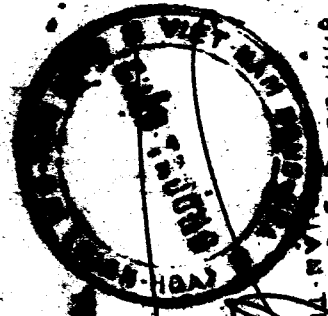
Lân phi Trung ngày

Hồ-Lại,

- An Kỳ

Nhân-bút

Lê Văn Chính
Nguyễn Văn Kha



THI-NHAT) MỘT-PHÁP
Chữ ký của người khai báo và các người chứng
Vinh Sơn Ngọc ở làng H. năm 1967
Lân phi Trung
Nguyễn Văn Chánh

Lưu ý theo bản chính

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn 25
Thị xã, Quận 10
Thành phố, Tỉnh HCMBẢN SAO
GIẤY KHAI SINHSố 123
Quyền số 01

Họ và tên	Vũ - Thụy - Ngọc - Minh		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	Ngày mười bốn, tháng tám, năm một chín tám mươi (14 - 8 - 1980)			
Nơi sinh	284, Công Quỳnh Quận 1			
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Vũ - Việt - Sư 1951	Nguyễn - Kim - Hoa 1953		
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt nam	Kinh Việt nam		
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Hội trợ 116/33/43 Ng. hiêm Thành Phường 25 Quận 10			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Vũ - Việt - Sư 026893037			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 28 tháng 8 năm 1986
TM/UBND 123 / 010 ký tên đóng dấuĐăng ký ngày 13 tháng 9 năm 1980
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)TM. ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
Ủy Viên Thư Ký / Trưởng Trại
TRẦN - HUY - MINH
(Chữ ký)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT

Xã phường 15

Số 109/89

Huyện, Quận 20

Quyền 02

Tỉnh, Thành phố H.C.M



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên **VŨ ĐẠI DƯƠNG** Nam hay Nữ **Nam**Ngày, tháng, năm sinh **20/4/1989**

(Ngày hai mươi tháng 4, năm một chín tám chín)

Nơi sinh **Kinh** **Viện phụ sản**Dân tộc **Kinh** Quốc tịch **Việt Nam**

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	NGUYỄN KIM HUY	VŨ VIỆT SĨ
Tuổi	1951	1951
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Buôn bán	Buôn bán
Nơi thường trú	116/33/43 Tô Hiến Thành	Thị trấn 15 Quận 10

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Chữ khai

Người đứng khai ký

Đăng ký ngày **25** tháng **4** năm 19..... **89**

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

P15/Q10

VŨ VIỆT SĨ
(**Sĩ ký tên**)

PHÓ CHỦ TỊCH : NGUYỄN MINH SƠN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH (**Sĩ ký tên và đóng dấu**)Ngày **28** tháng **4** năm 19..... **89**
T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU

UVTK/TT

